

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Nguyễn Bình
Khiêm, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	684	244	215	225	
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	395 57.7%	113 46.3%	116 54.0%	166 73.8%	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	254 37.1%	113 37.3%	82 38.1%	59 26.2%	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	35 5.1%	18 7.4%	17 7.9%	0 0.0%	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%				
II	Số học sinh chia theo học lực	684	244	215	225	
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	89 13.0%	15 6.1%	23 10.75%	51 22.7%	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	302 44.2%	101 41.4%	76 35.3%	125 55.6%	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	270 39.5%	114 46.7%	107 49.8%	49 21.80%	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	23 3.4%	14 5.7%	9 4.2%	0 0.00%	
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	684	244	215	225	
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	662 96.8%	230 94.3%	210 97.7%	225 100%	
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	89 13.0%	15 6.1%	23 10.75%	51 22.7%	
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)	302 44.2%	101 41.4%	76 35.3%	125 55.6%	
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	22 3.2%	14 5.7%	5 2.3%	0 0.0%	
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0%				
4	Chuyên trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	02 0.29%	0 0.0%	0 0.0%	02 0.9%	
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	07 0.9%	05 2%	2 0.9%	0 0.00%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	04 0.58%	0 0.0%	2 0.9%	2 0.9%	
1	Cấp huyện	0				
2	Cấp tỉnh/thành phố	04 0.58%	0 0.0%	2 0.9%	2 0.9%	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	225			225	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	213 94.67%			213 94.67%	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	353 51.6%	137 56.1%	106 49.3%	110 44.4%	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	533 77.9%	193 79%	159 73.9%	181 80.4%	

Cư Jút, ngày 05 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Ngọc Út